

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

Công trình: Nhà văn hóa thôn Tà Đô

Địa điểm xây dựng: xã Sơn Tân - huyện Sơn Tây

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TÂY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Tây về việc bổ sung kế hoạch vốn Chương trình 135 năm 2015 cho các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn từ Ngân sách Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 03/7/2015 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Tây về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình: Nhà văn hóa thôn Tà Đô, địa điểm xây dựng: xã Sơn Tân – huyện Sơn Tây;

Căn cứ Quyết định số 2094/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Tây về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình: Nhà văn hóa thôn Tà Đô, địa điểm xây dựng: xã Sơn Tân – huyện Sơn Tây;

Xét Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 24/8/2016 của UBND xã Sơn Tân về việc xin thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Nhà văn hóa thôn Tà Đô, địa điểm xây dựng: xã Sơn Tân - huyện Sơn Tây;

Trên cơ sở kết quả thẩm tra tại Báo cáo số 389/BCTT-TCKH ngày 28/11/2016 của phòng Tài chính - Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

- Công trình: Nhà văn hóa thôn Tà Đô.
- Cấp quyết định đầu tư: UBND huyện Sơn Tây.

- Chủ đầu tư: UBND xã Sơn Tân.
- Địa điểm xây dựng: xã Sơn Tân - huyện Sơn Tây.
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế): 13/08/2015 - 15/12/2015.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

7. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
1	2	3	4
Tổng số	847.548.000	838.419.000	9.129.000
- Vốn Chương trình 135 năm 2015.	838.419.000	838.419.000	0
- Vốn ngân sách xã	9.129.000	0	9.129.000

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
1	2	3
Tổng số	860.438.943	847.548.000
1. Chi phí xây dựng	734.073.387	733.413.000
2. Chi phí thiết bị	35.395.250	35.300.000
3. Chi phí QLDA	14.393.595	13.734.000
4. Chi phí TV ĐTXD	50.598.330	48.367.000
5. Chi phí khác	25.583.296	16.734.000
6. Dự phòng	395.085	0

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

3.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.

3.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng.

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
1	2	3	4	5
Tổng số	847.548.000	0	0	0
1. Tài sản dài hạn (Tài sản cố định)	847.548.000	0	0	0
2. Tài sản ngắn hạn	0	0	0	0

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
1	2	3
Tổng số	847.548.000	
- Vốn Chương trình 135 năm 2015.	838.419.000	
- Vốn ngân sách xã	9.129.000	

- Tổng các khoản nợ tính đến ngày 28/11/2016 là:

+ Tổng nợ phải thu: **0 đồng.**

+ Tổng nợ phải trả: **9.129.000 đồng.**

Chi tiết các khoản nợ theo phụ lục số 1, 2 kèm theo.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản.

Đơn vị tính: đồng


Đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1	2	3
UBND xã Sơn Tân	847.548.000	0

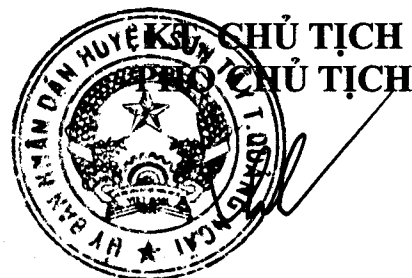
3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan liên quan: Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan để xử lý công nợ theo Báo cáo thẩm tra số 389/BCTT-TCKH ngày 28/11/2016 của phòng Tài chính - Kế hoạch và nội dung quyết toán vốn đầu tư được phê duyệt tại quyết định này. Đồng thời, Chủ đầu tư bàn giao hồ sơ cho đơn vị tiếp nhận tài sản theo quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Sơn Tây; Chủ tịch UBND xã Sơn Tân và Thủ trưởng các Ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND huyện;
- CPVP, TH;
- Lưu: VT. 



Võ Thìn

Phụ lục 1

BẢNG TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH

CÔNG TRÌNH: NHÀ VĂN HÓA THÔN TÀ ĐỒ.

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ SƠN TÂN - HUYỆN SƠN TÂY

(Kèm theo Quyết định số 236 /QĐ-UBND ngày 30 /12/2016 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Tây)

ĐVT: Đồng

TT	Cơ cấu	Giá trị Dự toán được duyệt theo QĐ số 2094/QĐ-UBND ngày 10/12/2015	Giá trị thẩm định, quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với Dự toán được duyệt	Tăng (+), giảm (-) so với Chủ đầu tư trình	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Chi phí xây dựng	734.073.387	33.413.000	-660.387	0	
1	Thi công xây dựng	734.073.387	733.413.000	-660.387	0	
II	Chi phí thiết bị	35.395.250	35.300.000	-95.250	0	
2	Thiết bị	35.395.250	35.300.000	-95.250	0	
III	Chi phí quản lý dự án	14.393.595	13.734.000	-659.595	0	
3	Quản lý dự án	14.393.595	13.734.000	-659.595	0	TT số 02/2008/TT-BXD
IV	Chi phí tư vấn ĐTXD	50.598.330	48.367.000	-2.231.330	0	
4	Chi phí khảo sát địa hình	1.876.008	1.876.000	-8	0	TT số 02/2008/TT-BXD
5	Chi phí lập báo cáo KT - KT	29.290.968	27.950.000	-1.340.968	0	TT số 02/2008/TT-BXD
6	Chi phí giám sát KTTC	19.431.354	18.541.000	-890.354	0	TT số 02/2008/TT-BXD
V	Chi phí khác	25.583.296	17.983.000	-8.849.296	-1.249.000	
7	Chi phí thẩm định TK BVTG và DT	608.695	609.000	608.000	-695	
8	Chi phí thẩm định Báo cáo KT-KT	161.524	161.000	161.000	-524	TT số 02/2008/TT-BXD
9	Chi phí lập HSYC và đánh giá HSDX	1.248.606	1.248.000	1.248.000	-1.248.000	ND số 63/ND-CP
10	Chi phí thẩm định HSYC và KQ LCNT	624.303	-	-	-624.303	ND số 63/ND-CP
11	Chi phí ban giám sát xã	6.542.544	6.060.000	6.060.000	-482.544	TT số 02/2008/TT-BXD
12	Chi phí bảo hiểm công trình	1.545.150	1.545.000	1.545.000	-150	
13	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	4.857.839	4.857.000	4.857.000	-839	ND số 46/2015/ND-CP
14	Chi phí kiểm toán công trình	6.490.980	-	-	-6.490.980	
15	Chi phí thẩm tra quyết toán	3.503.655	3.503.000	3.503.000	-655	TT 09/2016/TT-BTC
VI	Dự phòng	395.085	-	-395.085	0	
	Tổng cộng	860.438.943	848.797.000	-12.890.943	-1.249.000	

Phụ lục 2

BẢNG CÔNG NỢ

CÔNG TRÌNH: NHÀ VĂN HÓA THÔN TÀ ĐỒ.

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ SƠN TÂN - HUYỆN SƠN TÂY

(Kèm theo Quyết định số 2236 /QĐ-UBND ngày 15/08/2016 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Tây)

ĐVT: Đồng



TT	Tên các đơn vị	Nội dung	Số quyết toán	Số giải ngân		Phải thu	Phải trả
				Vốn Chương trình 135 năm 2015	Vốn nhân dân đóng góp		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Chi phí xây dựng		733.413.000	733.413.000	-	-	-
1	Công ty TNHH MTV XD&TM Lâm Huy	Thi công xây dựng	733.413.000	733.413.000	-	-	-
II	Chi phí thiết bị		35.300.000	35.300.000	-	-	-
2	Công ty TNHH MTV XD&TM Lâm Huy	Thiết bị	35.300.000	35.300.000	-	-	-
III	Chi phí quản lý dự án		13.734.000	13.734.000	-	-	-
3	UBND xã Sơn Tân	Quản lý dự án	13.734.000	13.734.000	-	-	-
IV	Chi phí TV ĐTXD		48.367.000	48.367.000	-	-	-
4	Công ty TNHH MTV TV&XD Đức Long	Chi phí khảo sát địa hình	1.876.000	1.876.000	-	-	-
5	Công ty TNHH MTV TV&XD Đức Long	Chi phí lập báo cáo KT - KT	27.950.000	27.950.000	-	-	-
6	Công ty TNHH MTV&XD 79	Chi phí giám sát KTTC	18.541.000	18.541.000	-	-	-
V	Chi phí khác		16.734.000	7.605.000	-	-	9.129.000
7	Phòng Kinh tế và HT	Chi phí thẩm định TK BVTC và DT	608.000	-	-	-	608.000
8	Phòng Kinh tế và HT	Chi phí thẩm định Báo cáo KT-KT	161.000	-	-	-	161.000
9		Chi phí lập HSYC và đánh giá HSDX	-	-	-	-	-
10		Chi phí thẩm định HSYC và KQ LCNT	-	-	-	-	-
11	UBND xã Sơn Tân	Chi phí ban giám sát xã	6.060.000	6.060.000	-	-	-
12		Chi phí bảo hiểm công trình	1.545.000	1.545.000	-	-	-
13	Phòng Kinh tế và HT	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	4.857.000	-	-	-	4.857.000
14	Công ty Bảo hiểm PVI Nam Trung Bộ	Chi phí kiểm toán công trình	-	-	-	-	-
15	Phòng Tài chính - KH	Chi phí thẩm tra quyết toán	3.503.000	-	-	-	3.503.000
VI	Dự phòng		-	-	-	-	-
VII	Tổng cộng		847.548.000	838.419.000	-	-	9.129.000
VIII	Công nợ bù trừ						9.129.000